TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PÁC NẶM** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HS-ST
Ngày 29/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Chu Đức Quế

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hạnh

Ông Phạm Anh Tuấn

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Thị Lộc, Thư ký Toà án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà*: Ông Triệu Xuân Trìu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2018/HSST, ngày 07 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Vương Thị H - Sinh ngày 22/12/1973 tại Thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trú tại: thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; trình độ văn hoá: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ đoàn thể: Không; Con ông Vương Tắc Q và con bà Vi Thị L; Chồng: Nguyễn Viết T; Con: Có 02 con lớn 23 tuổi, nhỏ 11 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/8/2018 đến ngày 09/01/2019 (có mặt tại phiên tòa).

* Ng- ời bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Xuân D – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vi Duy T- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (Vắng mặt có lý do).

Người đại diện được ủy quyền Ông La Đức D - Trưởng phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P, tỉnh Bắc Kạn - (Vắng mặt có lý do).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Đặng Văn N - Sinh năm 1980 (Vắng mặt có lý do)

Chị Đặng Mùi P - Sinh năm 1978 (Vắng mặt có lý do)

Ông Lý Tòn K - Sinh năm 1964 (Vắng mặt có lý do)

Bà Đặng Mùi S - Sinh năm 1960 (Vắng mặt có lý do)

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Đều trú tại: thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn

* Người làm chứng:

Ông Dương Sái T - sinh năm 1974 (Vắng mặt có lý do)

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Trú tại: Thôn P, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/12/2017 Vương Thị H nhận chuyển nhượng của ông Sào Văn C trú tại thôn N xã A 33.327m2 rừng sản xuất, tại thửa đất số 15 tờ bản đồ số 02 thuộc thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Nguồn gốc thửa đất trên đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phùng Tòn C và bà Phùng Mùi K, ông C và bà K đều đã chết nên bà Đặng Thị P là con dâu duy nhất còn sống được thừa kế, P không có nhu cầu sử dụng diện tích đất trên nên ngày 05/12/2017 bà P đã chuyển nhượng cho ông Sào Văn C. Do có mục đích phát rừng để trồng cây keo, nên ngày 10/4/2018 Vương Thị H đã thỏa thuận và thuê ông Dương Sái T sinh năm 1973 trú tại thôn P, xã N, huyện P đến để phát phá khu rừng đã mua và trả công 400.000 đồng /ngày, ông T dùng máy cưa xăng loại cầm tay để cắt hết những cây thân gỗ trên phạm vi diện tích rừng mà Vương Thị H đã chỉ danh giới trước đó, sau khi ông T làm được 02 ngày thì máy cưa bị hỏng nên tạm thời không làm nữa. vụ việc ngay sau đó bị phát hiện.

Ngày 10/5/2018, ngay sau khi tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm, Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, tạm giữ tang vật của vụ án, lấy lời khai của bị cáo, những người có liên quan và yêu cầu định giá tài sản bị thiệt hại.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 11/5/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm xác định: Hiện trường vụ huỷ hoại rừng tại Lô 3, khoảnh 2, tiểu khu 31, tờ bản đồ số 02 thuộc thôn N, xã A, huyện P là rừng sản xuất có trạng thái rừng tự nhiên phục hồi, theo Bản đồ quy hoạch ba loại rừng được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21/5/2007.

Vị trí diện tích rừng bị phát phá, phía Đông giáp với diện tích rừng hộ gia đình ông Lý Kiểm O và ông Đặng Tòn S; Phía Tây tiếp giáp với rừng của ông Đặng Văn N; Phía Nam tiếp giáp rừng của ông Lý Tòn K; Phía Bắc tiếp giáp với rừng của ông Lý Tòn L. Trên bề mặt diện tích rừng bị chặt hạ phát hiện nhiều cây thân gỗ với nhiều nhóm gỗ khác nhau đã bị cắt đổ ngổn ngang

về nhiều hướng, các vết cắt này đều sắc gọn có để lại phần gốc nhô lên trên mặt đất với nhiều kích cỡ khác nhau, và dải rác có một số cây thân gỗ chưa bị cắt hạ có chiều cao trung bình từ 1,5 mét đến 03 mét, chu vi gốc từ 25cm đến 45cm; Tiến hành đo diện tích rừng bị hủy hoại, sử dụng máy định vị vệ tinh GPS78 CSX, hệ toạ độ Vn-2000, máy đo do Hạt kiểm lâm huyện P cung cấp xác định diện tích rừng bị chặt hạ là 19.980m^2 (Mười chín nghìn chín trăm tám mươi mét vuông); Số cây gỗ bị chặt hạ từ nhóm V đến nhóm VIII có chu vi (vòng dây) nhỏ nhất từ 24 cm trở lên là 635 cây = 103,435 m^3 (Một trăm linh ba phẩy bốn trăm ba lăm mét khối).

Để xác định chính xác vị trí, diện tích rừng bị chặt phá thuộc thửa đất nào, do ai là chủ sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm, đã phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện P đã tiến hành đối chiếu sơ đồ khám nghiệm hiện trường với Tờ bản đồ số 2 Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã A huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả xác định:

Diện tích rừng bị cáo Vương Thị H phát phá có tổng diện tích là 19.980m^2 nằm trên 03 thửa đất rừng đều là rừng sản xuất và đều thuộc Lô 3, khoảnh 2, tiểu khu 31, tờ bản đồ số 02 thuộc thôn N, xã A, huyện P, diện tích bị phát phá có vị trí thuộc các thửa đất sau:

- Tại thửa đất số 15 Lô 3, khoảnh 2, tiểu khu 31, tờ bản đồ số 02 chủ sử dụng đất là ông Phùng Tòn C và bà Phùng Mùi K bị phát phá: 16.793m2.

- Tại thửa đất số 17 Lô 3, khoảnh 2, tiểu khu 31, tờ bản đồ số 02 chủ sử dụng đất là ông Đặng Văn N và bà Đặng Mùi P bị phát phá: 891m2.

- Tại thửa đất số 22 Lô 3, khoảnh 2, tiểu khu 31, tờ bản đồ số 02 chủ sử dụng đất là ông Lý Tòn K và bà Đặng Mùi S bị phát phá: 2.296m2.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTSVV ngày 14/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: 103,435 m^3 (Một trăm linh ba phẩy bốn trăm ba lăm mét khối) mét khối gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng giá trị là: 78.869.188 đồng (Bảy mươi tám triệu, tám trăm sáu mười chín nghìn, một trăm tám mươi tám đồng).

Tại cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, bị cáo Vương Thị H khai nhận: Khu rừng mà H thuê chặt phá là rừng sản xuất nhưng có trạng thái là rừng mọc tự nhiên, các cây gỗ mọc tự nhiên đều thuộc nhóm gỗ không có giá trị về kinh tế, nên mới có ý định chặt những cây rừng để trồng cây keo nhằm tăng thu nhập gia đình, ngày 10/4/2018 H không bàn bạc với ai mà chủ động thỏa thuận với ông Dương Sái T để thuê ông T chặt phá rừng thì ông T đồng ý, H dẫn ông T đến khu rừng rộng 33.327m2 và chỉ danh giới thửa đất đúng như danh giới mà ông Sào Văn C đã chỉ cho trước đó, H yêu cầu ông T chặt hết sau đó đi về nhà, ông T chặt được hai ngày thì máy cưa bị hỏng nên không làm nữa và điện thông báo cho bị cáo để lấy tiền công 800.000 đồng; Diện tích rừng trước khi bị cáo chặt phá có nhiều cây bụi rậm, cây dây leo và các cây thân gỗ với loại gỗ thông thường, kích cỡ to nhỏ các loại đang sống và mọc kín, tán của các cây thân gỗ đã khép kín tạo ra bóng dâm che nắng hết diện tích mặt đất khi đứng dưới gốc

cây, mục đích chặt hết các cây thân gỗ để sau khi cây khô thì sẽ đốt, vệ sinh rừng và trồng cây keo, nên sau khi chặt xong thì diện tích rừng trở thành đồi trọc, chỉ còn lác đác một vài cây gỗ nhỏ. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của nhân chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Kết quả điều tra vụ án xác định: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố đẻ là người có công với Nhà nước nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Vật chứng của vụ án: Tổng số 635 cây = 103,435 m^3 (Một trăm linh ba phẩy bốn trăm ba lăm mét khối). Ngày 01/10/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 06/CSĐT ngày 01/10/2018 của Công an huyện Pác Nặm bằng hình thức tịch thu bán đấu giá sung công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự : Nguyên đơn dân sự là Uỷ ban nhân dân huyện P và người có quyền lợi liên quan là ông Đặng Văn N và ông Lý Tòn K không yêu cầu bồi thường. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo H đã tự nguyện nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P để bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

Đối với ông Dương Sái T là người đã cắt hạ các cây thân gỗ thuê cho Vương Thị H, tuy nhiên kết quả điều tra xác định trước khi thực hiện ông T không biết việc Vương Thị H chặt phá rừng trái quy định của pháp luật, do vậy không có căn cứ xem xét trách nhiệm liên quan của ông Dương Sái T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng số: 19/CT - VKSPN ngày 05/11/2018 truy tố bị cáo Vương Thị H về tội "*Hủy hoại rừng*" và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:

- Bị cáo Vương Thị H phạm tội *"Hủy hoại rừng"*.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 65 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Vương Thị H từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng.

- Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vương Thị H.

- Đề nghị tạm giữ số tiền 5.000.000^đ (Năm triệu đồng) bị cáo Hà tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Bị cáo Hà phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo nhất trí tội danh mà Viện kiểm sát đề nghị và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Vương Thị H nói lời sau cùng có ý kiến mong Hội đồng xét xử xem xét xử với mức hình phạt thấp nhất, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Vương Thị H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện nguyên đơn dân sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đươc thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10 và 11 tháng 4 năm 2018 tại thửa đất số 15, 17 và 22, thuộc Lô 3, khoảnh 2, tiểu khu 31, tờ bản đồ số 02 thôn N, xã A, huyện P, Vương Thị H đã có hành vi hủy hoại rừng với diện tích là 19.980m^2 (Mười chín nghìn chín trăm tám mươi mét vuông) gây thiệt hại 635 cây gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII = 103,435 m^3 trị giá 78.869.188 đồng (Bảy mươi tám triệu, tám trăm sáu mười chín nghìn, một trăm tám mươi tám đồng).

[3] Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

Điều 243 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm

……

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m2) đến dưới 50.000 mét vuông (m2);

……

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài nguyên rừng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình quản lý, bảo vệ rừng tại địa phương. Do vậy cần xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên hành vi phát phá rừng của bị cáo Vương Thị H không vì lợi nhuận hay có động cơ, mục đích gì khác mà bị cáo phát rừng để trồng cây keo để tăng hiệu quả kinh tế cho gia đình.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số. Ngoài phạm tội lần này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, có hộ khẩu và nơi cư trú rõ ràng, bố đẻ của bị cáo có công với Nhà nước, bị cáo đã tự nguyện nộp 5.000.000^{đ} (Năm triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm nhằm khắc phục một phần thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, do vậy trong vụ án này bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng…", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu đã thu thập được và lời khai tại phiên tòa của bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, không có thu nhập ổn định. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vương Thị H.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện được ủy quyền cho nguyên đơn dân sự ông La Đức D nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và nhất trí với số tiền bị cáo Vương Thị H tự nguyện bồi thường là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn tiền phạt, án phí cho bị cáo. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn N, chị Đặng Mùi P, ông Lý Tòn K và bà Đặng Mùi S quá trình điều tra cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều không yêu cầu bồi thường, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo Vương Thị H đã tự nguyện nộp một khoản tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P nhằm khắc phục một phần thiệt hại cho nguyên đơn dân sự. Do vậy số tiền này cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Đối với ông Dương Sái T là người đã cắt hạ các cây thân gỗ thuê cho Vương Thị H, tuy nhiên kết quả điều tra xác định trước khi thực hiện ông T không biết việc Vương Thị H chặt phá rừng trái quy định của pháp luật, do vậy không có căn cứ xem xét trách nhiệm liên quan của ông Dương Sái T.

[10] Về vật chứng của vụ án: Đối với số cây mà bị cáo H chặt lấn sang phần đất của các hộ anh Đặng Văn N, chị Đặng Mùi P, ông Lý Tòn K và bà Đặng Mùi S, quá trình điều tra các hộ không yêu cầu lấy lại số cây bị cáo Hà đã chặt và nhất trí cho cơ quan Nhà nước xử lý theo pháp luật.

Đối với tổng số Tổng số 635 cây = 103,435 m^3 (Một trăm linh ba phẩy bốn trăm ba lăm mét khối) Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 06/CSĐT ngày 01/10/2018 của Công an huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn bằng hình thức giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện P và Ủy ban nhân dân xã A huyện P bán đấu giá nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Vương Thị H phạm tội "*Hủy hoại rừng*";

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Vương Thị H 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo.Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vương Thị Hà cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong tr- ờng hợp ng- ời đ- ợc h- ởng án treo thay đổi nơi c- trú thì đ- ợc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 Bộ luật dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại: Bị cáo Vương Thị H tự nguyện bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai số: 00864 ngày 14/11/2018 và biên lai số: 00869 ngày 19/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Tạm giữ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) bị cáo H đã nộp theo biên lai số: 00864 ngày 14/11/2018 và biên lai số: 00869 ngày 19/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí;

Bị cáo Vương Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngan sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn (1b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (1b);
- VKSND huyện Pác Nặm (1b);
- Cán bộ HS - CA huyện Pác Nặm (3b);
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Pác Nặm (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn (1b);
- Bị cáo (1b);
- Nguyên đơn dân sự (01b);
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (4b);
- Người bào chữa (1b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn thư (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Chu Đức Quế